

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---***---

Bản án số: **17/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/12/2020.

“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Huệ.**

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Nhâm.

Ông Chu Đức Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đàm Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa: Bà **Ma Thị Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc *“tranh chấp về hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Vi Thị H, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Triệu Văn Th, sinh năm 1992 (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vi Thị H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn Th qua tìm hiểu tự nguyện đã chung sống với nhau từ năm 2012 và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau

khi cưới vợ chồng chị sống tại Thôn B, xã Y, huyện Na Hang, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh Th có quan hệ với người khác, từ đó dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn Th.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Triệu Thị D, sinh ngày 14/10/2013. Nay ly hôn chị nhất trí để cháu Duyên cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 800.000đ/tháng.

* Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Triệu Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Vi Thị H qua tìm hiểu tự nguyện đã chung sống với nhau từ năm 2012 và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng anh sống tại Thôn B, xã Y, huyện Na Hang, vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, chị H đi làm công nhân ở các khu công nghiệp ít về nhà và không còn quan tâm đến chồng con nữa. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng anh.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Triệu Thị D, sinh ngày 14/10/2013. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duyên và việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn thì tùy khả năng của chị H.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm của mình là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn Th, về con chung chị nhất trí để anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 800.000đ/tháng. Về tài sản và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Th có đơn xin xử vắng mặt giữ nguyên quan điểm nhất trí ly hôn với chị H và anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con 800.000đ/tháng của chị H. Về tài sản và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 143,

144, 147, 227, 228, 273 của BLTTDS; các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Vi Thị H và anh Triệu Văn Th là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Triệu Thị D, sinh ngày 14/10/2013 cho anh Triệu Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 800.000đ/tháng và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

- Về chia tài sản và nợ chung: Chị H và anh Th đều xác không có, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Vi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị Vi Thị H đã nộp các tài liệu: Giấy xác nhận hôn nhân, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao chứng minh nhân dân.

Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Yên Hoa, huyện Na Hang.

Các đương sự đã thống nhất được với nhau về quan hệ hôn nhân, về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị H giải quyết việc nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng và trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang quy định tại khoản 7 Điều 28 ; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị H có mặt, anh Th có đơn xin xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Vi Thị H và anh Triệu Văn Th qua tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 đến nay, có cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm là đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Triệu Văn Th có đơn xin xử vắng mặt nhất trí ly hôn với chị Vi Thị H, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị Vi Thị H và anh Triệu Văn Th là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Vi Thị H và anh Triệu Văn Th xác định có 01 con chung là cháu Triệu Thị D, sinh ngày 14/10/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Hinh và anh Th đã tự nguyện thoả thuận anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Thị D và chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 800.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H và anh Th thống nhất để anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duyên và chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 800.000đ/tháng là hoàn toàn tự nguyện và hợp lý. Do đó căn cứ vào các Điều 15, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Triệu Thị D cho anh Triệu Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Vi Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 800.000đ/tháng. Chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Vi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Vi Thị H và anh Triệu Văn Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Thị D, sinh ngày 14/10/2013 cho anh Triệu Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Vi Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 800.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Chị Vi Thị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn không ai được cản trở.

" Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015".

3. **Về án phí:** Chị Vi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng chị H phải nộp 600.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002219 ngày 02/11/2020, nay được chuyển thành tiền án phí. Chị H còn phải nộp 300.000đ tiền án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Huệ

